

BÁO CÁO ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2023 VÀ DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 415/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng.

Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2023	Dự toán HDND tỉnh thông qua đầu năm 2023	Số thực hiện năm 2022	Số thực hiện 10 tháng năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2024	Dự toán địa phương giao năm 2024	Tăng (giảm) dự toán địa phương giao năm 2024 so với dự toán Bộ Tài chính	SO SÁNH (%)				
									6/2	6/3	6/4	8/6	8/7
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9=8-7</i>					
Tổng thu NSNN trên địa bàn	14.592.000	14.888.000	14.282.506	9.441.876	11.986.000	12.194.000	12.739.600	545.600	82	81	84	106	104,5
A. Tổng các khoản thu cân đối NSNN	14.592.000	14.888.000	14.273.280	9.436.142	11.979.200	12.194.000	12.739.600	545.600	82	80	84	106	104,5
I. Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước	13.372.000	13.668.000	13.229.250	8.334.913	10.709.200	10.912.000	11.457.600	545.600	80	78	81	107	105,0
<i>Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước (không bao gồm thu tiền sử dụng đất; thu xổ số kiến thiết)</i>	7.472.000	8.761.000	8.159.455	6.264.803	7.616.200	6.662.000	6.846.600	184.600	102	87	93	90	103
1. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước TW	570.000	570.000	570.524	352.247	413.000	420.000	420.000	-	72	72	72	102	100
2. Thu từ doanh nghiệp Nhà nước địa phương	500.000	500.000	637.462	429.598	520.500	550.000	550.000	-	104	104	82	106	100
3. Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	860.000	860.000	761.470	360.884	460.000	531.000	531.000	-	53	53	60	115	100
4. Thu từ khu vực công thương nghiệp-ngoại quốc doanh	1.860.000	1.860.000	1.704.495	1.645.981	1.970.200	2.050.000	2.050.000	-	106	106	116	104	100,00
5. Lệ phí trước bạ	770.000	770.000	849.434	291.244	336.000	340.000	340.000	-	44	44	40	101	100
6. Thuế SD đất phi nông nghiệp	8.000	10.000	12.275	17.767	19.394	14.000	15.600	1.600	242	194	158	80	111,4
7. Thuế thu nhập cá nhân	1.100.000	1.100.000	1.493.751	768.661	855.300	860.000	860.000	-	78	78	57	101	100

Nội dung	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2023	Dự toán HĐND tỉnh thông qua đầu năm 2023	Số thực hiện năm 2022	Số thực hiện 10 tháng năm 2023	Ước thực hiện năm 2023	Dự toán Bộ Tài chính giao năm 2024	Dự toán địa phương giao năm 2024	Tăng (giảm) dự toán địa phương giao năm 2024 so với dự toán Bộ Tài chính	SO SÁNH (%)				
									6/2	6/3	6/4	8/6	8/7
8. Thuế bảo vệ môi trường	210.000	210.000	148.850	103.879	124.700	120.000	130.000	10.000	59	59	84	104	108
9. Thu phí và lệ phí	145.000	145.000	144.427	118.026	140.000	150.000	150.000	-	97	97	97	107	100
10. Tiền sử dụng đất	5.000.000	3.807.000	4.106.899	1.006.855	1.893.000	3.100.000	3.361.000	261.000	38	50	46	178	108
11. Thu tiền cho thuê đất	1.100.000	2.332.000	1.408.999	1.755.110	2.312.280	1.200.000	1.300.000	100.000	210	99	164	56	108
12. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	85.000	85.000	89.920	93.554	96.500	85.000	135.000	50.000	114	114	107	140	159
13. Thu xổ số kiến thiết	900.000	1.100.000	962.896	1.063.255	1.200.000	1.150.000	1.250.000	100.000	133	109	125	104	108,7
14. Thu khác	250.000	305.000	326.206	313.911	354.326	330.000	353.000	23.000	142	116	109	100	107
15. Thu CT, LNST, tiền bán bớt phần vốn NN	14.000	14.000	11.642	13.941	14.000	12.000	12.000	-	100	100	120	86	100
II. Thu từ Hải quan	1.220.000	1.220.000	1.044.030	1.101.229	1.270.000	1.282.000	1.282.000	-	104	104	122	101	100
B. Các khoản thu được để lại chi quản lý qua NSNN	-	-	9.226	5.734	6.800	-	-	-			74	-	